

CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Dvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Kinh phí năm trước chuyển sang	UBND tỉnh phân bổ trong năm			UBND cấp huyện giao						Chênh lệch giữa số tỉnh phân bổ so với huyện phân bổ	Ghi chú
			Tổng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Tổng cộng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Đối ứng của ngân sách địa phương		Nguồn huy động, đóng góp (nếu có)		
									Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
A	B	1	2=3+4	3	4	5=6+7+8+9+10	6	7	8	9	10	11=5-2	C
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	14.557	15.886	10.465	5.421	6.645	5.734	340	571	-	-	(9.241)	
I	Chương trình MTQG nông thôn mới	12.558	9.812	4.731	5.081	-	-	-	-	-	-	(9.812)	
	Chi đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng	150	-			-						-	
	Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới	150	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng đường nhựa từ ĐT757 về trung tâm xã An Khương	3.716	-			-						-	
	Lắp đặt Wifi miễn phí cho 12 xã trên địa bàn huyện	845	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng chợ Minh Đức	1.160	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn liên xã, dài 3,65km (đường ấp Chà Lon đi xã Đồng Nơ, đường ấp Đồng Dầu đi xã Minh Tâm, đường ấp 1A đi xã Đồng Nơ, đường ấp Đồng Dầu đi xã Đồng Nơ)	666	-			-						-	
	Mô hình Camera an ninh tại các khu dân cư tập trung ở tất cả các ấp, sóc trên địa bàn xã	200	-			-						-	
	Mô hình Camera an ninh tại các khu dân cư tập trung ở tất cả các ấp trên địa bàn xã	115	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng mái tôn, la phong, cửa nhà văn hóa xã và nhà văn hóa ấp Xa Cát	440	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng, tuyến đường liên ấp Đông phát.	660	-			-						-	
	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu sản phẩm OCOP cho hạt tiêu	35	-			-						-	
	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông liên kết theo chuỗi giá trị trồng trọt trên địa bàn xã	500	-			-						-	
	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông liên kết theo chuỗi giá trị chăn nuôi trên địa bàn xã	590	-			-						-	

STT	NỘI DUNG	Kinh phí năm trước chuyển sang	UBND tỉnh phân bổ trong năm			UBND cấp huyện giao					Chênh lệch giữa số tỉnh phân bổ so với huyện phân bổ	Ghi chú	
			Tổng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Tổng cộng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Đối ứng của ngân sách địa phương				Nguồn huy động, đóng góp (nếu có)
									Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
	Mô hình Camera an ninh tại các khu dân cư tập trung ở tất cả các ấp, sóc trên địa bàn xã	90	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng đường liên xã An Phú - Thanh Phú dài 200m, rộng 6m	679	-			-						-	
	Mô hình Camera an ninh tại các khu dân cư tập trung ở tất cả các ấp trên địa bàn xã	100	-			-						-	
	Chi hỗ trợ triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP cho mít thái lá bàng, gồm: Quảng bá, xúc tiến thương mại; điểm giới thiệu và bán sản phẩm; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ chi phí bao bì, in tem; tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm	72	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng các công trình phụ trợ (sân, hàng rào) của Trường TH-THCS An Phú	100	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng các công trình thể thao của nhà văn hóa các ấp	264	-			-						-	
	Chi hỗ trợ triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP cho dưa lưới, gồm: Quảng bá, xúc tiến thương mại; điểm giới thiệu và bán sản phẩm; xây dựng và đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ chi phí bao bì, in tem; tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm	43	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng các công trình phụ trợ (sân, cổng, tường rào, nhà xe, nhà vệ sinh) đã xuống cấp của nhà văn hóa ấp 1, ấp 4, ấp 5.	302	-			-						-	
	Duy tu, bảo dưỡng đường liên ấp Đồng Tân dài 1,75km	1.681	-			-						-	
	Vốn sự nghiệp NTM năm 2023 (huyện đang phân bổ)		9.812	4.731	5.081	-						(9.812)	QĐ số 1148 ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	66	1.152	1.047	105	1.209	1.047	105	57	-	-	57	
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (15 hộ) - xã Thanh An	20	30	27	3	32	27	3	2			2	
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (08 hộ) - xã Tân Hưng	17	10	9	1	11	9	1	1			1	
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (12 hộ) - xã Phước An	17	23	21	2	25	21	2	2			2	
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (18 hộ) - xã An Khương	13	46	42	4	49	42	4	3			3	
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (04 hộ) - xã Minh Tâm		13	12	1	14	12	1	1			1	
	Chăn nuôi (Bò, Trâu): xã An Phú (7 hộ)		77	70	7	81	70	7	4			4	
	Chăn nuôi (Bò, Trâu): xã An Khương (14 hộ)		154	140	14	161	140	14	7			7	
	Chăn nuôi (Bò, Trâu): xã Thanh An (17 hộ)		187	170	17	196	170	17	9			9	
	Chăn nuôi (Bò, Trâu): xã Minh Tâm (04 hộ)		44	40	4	46	40	4	2			2	
	Chăn nuôi (Bò, Trâu): xã Tân Quan (06 hộ)		66	60	6	69	60	6	3			3	
	Tiểu dự án 4 : Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp		165	150	15	173	150	15	8			8	
	Khôi phục bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống xã An Khương		55	50	5	58	50	5	3			3	
	Khôi phục bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống xã Thanh An		55	50	5	58	50	5	3			3	

STT	NỘI DUNG	Kinh phí năm trước chuyển sang	UBND tỉnh phân bổ trong năm			UBND cấp huyện giao						Chênh lệch giữa số tỉnh phân bổ so với huyện phân bổ	Ghi chú
			Tổng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Tổng cộng	Vốn trung ương	Vốn tỉnh	Đối ứng của ngân sách địa phương		Nguồn huy động, đóng góp (nếu có)		
									Ngân sách huyện	Ngân sách xã			
	Khôi phục bảo tồn phát triển văn hóa truyền thống xã Tân Hiệp		55	50	5	58	50	5	3			3	
	Tiểu dự án 1, dự án 6: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN giai đoạn 2021-2030.		95	86	9	99	86	9	4			4	
	Dự án 1 chưa phân bổ		77	70	7	80,5	70	7	3,5			4	
III	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	1.933	4.922	4.687	235	5.436	4.687	235	514	-	-	514	
	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	236	708	674	34	776	674	34	68	-	-	68	
	Tiểu dự án 3, dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	94	227	216	11	249	216	11	22			22	
	Dự án 6	23	-			-						-	
	Dự án 7: Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá chương trình	119	481	458	23	527	458	23	46			46	
	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	356	880	838	42	964	838	42	84	-	-	84	
	Tiểu dự án 1, dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	356	880	838	42	964	838	42	84			84	
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	870	2.048	1.950	98	2.243	1.950	98	195	-	-	195	
	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	870	2.048	1.950	98	2.243	1.950	98	195			195	
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	471	842	802	40	967	802	40	125	-	-	125	
	Tiểu dự án 1, dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp	471	842	802	40	967	802	40	125			125	
	Trung tâm Y tế	-	282	269	13	309	269	13	27	-	-	27	
	Tiểu dự án 2, dự án 3: Cải thiện dinh dưỡng		282	269	13	309	269	13	27			27	
	Phòng Văn hóa – Thông tin	-	162	154	8	177	154	8	15	-	-	15	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin		162	154	8	177	154	8	15			15	

* Ghi chú kinh phí năm 2023: Báo cáo số liệu phân bổ đã được HĐND huyện thông qua.